

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2025

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim
2. Bà Nguyễn Thị Bình;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng– Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực A - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2025, về việc “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trà Thị L**, sinh năm 1979; có mặt
Địa chỉ: Số D, đường số H, thôn D, xã T, tỉnh Lâm Đồng.
2. Bị đơn: Ông **Võ Minh D**, sinh năm 1982; vắng mặt
Địa chỉ: Số D, đường số H, thôn D, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo, trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trà Thị L trình bày: Vào năm 2002, bà L và ông Võ Minh D tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn nhưng đến năm 2005 thì vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, lo làm ăn và sinh được 03 người con;

nay các con đã lớn và đi làm. Sau này, ông D uống rượu, đập đồ, không chịu làm ăn như trước, còn thường xuyên thiếu nợ bên ngoài bắt bà L phải trả. Từ những mâu thuẫn đó mà bà L và ông D đã ly thân khoảng 5 – 6 năm nay. Khi bà L làm đơn ly hôn có thông báo cho ông D biết để ông tham gia nhưng ông D lại xúc phạm bà L, dùng lời lẽ thô tục và không chịu đến Tòa án để giải quyết ly hôn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng nhau nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Minh D không đến tham gia nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D và cũng không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh về hôn nhân giữa bà L và ông D cho thấy vợ chồng bà L, ông D có nhiều mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về thẩm quyền:* Bị đơn ông Võ Minh D cư trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng) nên việc khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về việc vắng mặt của đương sự:* Bị đơn ông Võ Minh D vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Về nội dung vụ án:* Về quan hệ hôn nhân: Bà Trà Thị L và ông Võ Minh D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 26/04/2005 tại Ủy ban nhân dân T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng) nên đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng bà L, ông D chung sống hạnh phúc, lo làm ăn và sinh được 03 người con; nay các con đã lớn và đi làm. Sau này, do ông D uống rượu, đập đồ, không chịu làm ăn như trước, còn thường xuyên thiếu nợ bên ngoài bắt bà L phải trả nên giữa bà L và ông D không còn yêu thương, quý trọng lẫn nhau. Bà L và ông D đã ly thân khoảng 5 -6 năm nay. Bản thân ông D mặc dù nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và biết rõ việc bà L yêu cầu ly hôn nhưng ông D không đến tham gia tố tụng, bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông D có mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; nếu tiếp tục chung sống cũng không tạo dựng được hạnh phúc. Do đó, yêu cầu được ly hôn của bà L đối với ông D là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về con chung, tài sản chung, nợ chung:* Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Bà Trà Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- *Về hôn nhân:* Bà Trà Thị L ly hôn với ông Võ Minh D.

- *Về án phí:* Bà Trà Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Lâm Đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000541 ngày 23/6/2025. Bà L đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (11/9/2025). Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND KV17;
- THADS tỉnh;
- UBND xã Trà Tân;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái